TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 3 – 2024
V/v không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 547/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ nơi cư trú: Số 33/4, L, khóm 4, phường 4, thành phố M, tỉnh M.

Bị đơn: Anh V, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ nơi cư trú: Số 33/4, L, khóm 4, phường 4, thành phố M, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị T và anh V chung sống như vợ chồng vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau, gia đình không hạnh phúc nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm năm 2015 đến nay. Do đó, Chị T xin được ly hôn với anh V. Đối với anh V xác định về điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như Chị T trình bày, Anh V và Chị T không có đăng ký kết hôn, Chị T xin ly hôn anh V đồng ý.

Về con chung: Chị T và anh V có 01 người con tên Võ Thị Trúc Huyền, sinh ngày 08/10/1999 đã trưởng thành. Khi ly hôn, Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh V đã được tòa án triệu tập hợp lệ và anh V xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[1.2] Việc Chị T yêu cầu xin ly hôn đối với anh V có nơi cư trú ở phường 4, thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý và đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng. Chị T yêu cầu ly hôn, anh V đồng ý. Xét thấy, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa phù hợp tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị T và anh V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, nhưng không đăng ký kết hôn mà chung sống như vợ chồng từ năm 1999 đến 2015 không còn chung sống với nhau. Chị T yêu cầu ly hôn và anh V đồng ý theo yêu cầu của Chị T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Chị T có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có một người tên Võ Thị Trúc Huyền, sinh ngày 08/10/1999 đã trưởng thành. Khi ly hôn, Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị T và anh V.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 04 tháng 10 năm 2023, Chị T đã dự nộp 300.000 đồng tại lai số 0008349 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được giữ y sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Linh